

SỞ GD&ĐT SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG PHÚC KHẢO KỲ THI TUYỂN SINH
THPT NĂM HỌC 2025-2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỂM PHÚC KHẢO BÀI THI

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
1	010015	Lý Bùi Anh Duy	10/11/2010	Tiếng Anh	1.7	1.7		
2	010015	Lý Bùi Anh Duy	10/11/2010	Toán	3.25	3.25		
3	010045	Hàng Trần Thiên Long	05/08/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
4	010045	Hàng Trần Thiên Long	05/08/2010	Tiếng Anh	3.9	4.1	0.2	
5	010045	Hàng Trần Thiên Long	05/08/2010	Toán	2.75	2.75		
6	010085	Trịnh Hoàng Thân	18/07/2010	Toán	1	1		
7	010101	Sơn Trung Tín	25/02/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
8	010117	Lâm Thái Tú	04/12/2010	Toán	1	1		
9	020011	Thạch Thanh Hải	10/12/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
10	020030	Thạch Thị Thùy Linh	17/12/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
11	030003	Huỳnh Đức Anh	20/04/2010	Toán	0	0		
12	030005	Trần Hoàng Bách	22/09/2010	Toán	1	1		
13	030008	Kim Thị Bích	23/08/2009	Toán	1	1		
14	030019	Trần Minh Đăng	27/02/2010	Toán	1	1.25	0.25	
15	030037	Chung Văn Khá	13/05/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
16	030037	Chung Văn Khá	13/05/2010	Toán	0	0		
17	030043	Chung Đăng Khôi	26/10/2009	Toán	0.5	0.5		
18	030064	Nguyễn Chí Nhanh	07/02/2010	Tiếng Anh	1	1		
19	030078	Kim Thị Anh Quân	05/05/2009	Tiếng Anh	1.2	1.2		
20	030087	Lê Trần Hưng Thịnh	22/09/2010	Toán	1	1		
21	030101	Lâm Quốc Tín	16/07/2010	Toán	1	1		
22	030104	Cao Triệu Yến Trang	07/11/2010	Toán	0	0		
23	030110	Sơn Thái Văn	27/01/2010	Tiếng Anh	1	1		
24	040004	Nguyễn Văn Hoàng Anh	18/08/2009	Tiếng Anh	1.2	1.2		
25	040013	Hồ Lê Anh Duy	11/08/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
26	040015	Nguyễn Thành Duy	05/03/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
27	040052	Sơn Thị Trúc Linh	19/09/2009	Toán	1.25	1.25		
28	050007	Phùng Ngọc Thúy Anh	19/07/2010	Toán	0.75	0.75		
29	050022	Nguyễn Văn Dương	11/11/2009	Toán	1	1		
30	050025	Nguyễn Tâm Duy	14/12/2010	Toán	1	1		
31	050043	Lê Ngọc Hân	06/11/2010	Toán	1.25	1.25		
32	050102	Lê Văn Hồng Ngự	05/03/2010	Toán	1	1		
33	050188	Võ Lê Thanh Vy	16/11/2010	Tiếng Anh	1	1		
34	060044	Sơn Hạnh	30/06/2010	Ngữ văn	1	1		
35	060164	Thạch Ái San	05/02/2009	Toán	1.25	1.25		



STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
36	060182	Tiêu Nhật Thịnh	14/06/2010	Tiếng Anh	1	1		
37	070075	Nguyễn Ngọc Phát	22/11/2010	Toán	0.5	0.5		
38	080003	Bùi Trung An	16/05/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
39	080024	Dương Thị Ái Duy	22/06/2010	Toán	0.75	0.75		
40	080055	Lê Nguyễn Mạnh Kha	17/06/2010	Toán	1	1		
41	080075	Lê Ngọc Mai	05/01/2010	Tiếng Anh	1	1		
42	080075	Lê Ngọc Mai	05/01/2010	Toán	1	1		
43	080112	Sơn Phú Quý	16/11/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
44	080127	Nguyễn Thị Phương Thùy	30/10/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
45	090010	Hồ Thanh Bảo	12/08/2010	Toán	1.25	1.5	0.25	
46	090018	Lê Nguyễn Bảo Duy	09/10/2010	Toán	1.25	1.25		
47	090024	Liêu Thị Bích Đào	16/12/2010	Toán	1.25	1.25		
48	090053	Nguyễn Quốc Hưng	01/12/2009	Tiếng Anh	1.2	1.2		
49	090100	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	08/12/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
50	090195	Lý Thảo Trân	21/03/2008	Tiếng Anh	1.2	1.2		
51	100009	Đoàn Thị Quỳnh Anh	27/10/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
52	100073	Lý Thị Mỹ Linh	08/10/2010	Ngữ văn	1	1		
53	100121	Chế Minh Phụng	07/01/2010	Toán	0.5	0.5		
54	100147	Nguyễn Phước Thịnh	11/11/2010	Toán	1	1.25	0.25	
55	100151	Thạch Thị Kim Thoa	19/08/2010	Toán	0.75	0.75		
56	100157	Võ Thị Minh Thư	19/05/2010	Ngữ văn	1	1		
57	100178	Kỷ Trung Trực	10/09/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
58	100188	Phùng Thành Vinh	28/01/2010	Toán	1	1		
59	110123	Nguyễn Hoàng Nam	21/12/2008	Toán	1	1		
60	110140	Nhâm Minh Nhật	29/07/2010	Toán	1	1		
61	110251	Thạch Thanh Trọng	06/03/2010	Ngữ văn	0.75	0.75		
62	120039	Nguyễn Văn Đến	16/05/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
63	120159	Võ Văn Nghĩa	28/11/2009	Toán	1	1		
64	120171	Nguyễn Thành Nhân	23/04/2010	Tiếng Anh	1	1		
65	120246	Lê Thị Kiều Thu	07/12/2010	Toán	1.25	1.25		
66	130003	Lý Thị Bình An	28/10/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
67	130020	Văn Minh Dũ	21/09/2010	Toán	0.75	0.75		
68	130027	Trà Thanh Đạt	09/10/2010	Toán	0	0		
69	130030	Lâm Hoàng Điền	03/09/2010	Toán	1	1		
70	130035	Sơn Trịnh Ngọc Đoàn	11/10/2010	Toán	1.25	1.25		
71	130043	Dương Gia Hân	21/08/2009	Toán	0.25	0.25		
72	130073	Hàng Thị Thanh Kiều	06/11/2010	Toán	0.5	0.5		
73	130097	Lý Trần Nhân Nghĩa	14/09/2010	Toán	1	1		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
74	130111	Thạch Ái Như	19/10/2010	Toán	1.25	1.25		
75	130129	Lý Cao Phương	17/02/2010	Toán	1	1		
76	130148	Danh Minh Thiết	05/07/2009	Toán	1	1		
77	130150	Danh Thị Mộng Thơ	22/01/2010	Toán	1	1		
78	130151	Lâm Hoàng Thông	05/08/2010	Toán	1	1		
79	130176	Hứa Kim Hải Triều	30/12/2010	Toán	1	1		
80	130180	Lý Hoàng Tuấn	16/11/2010	Toán	0.75	0.75		
81	130183	Trần Dương Cát Tường	01/08/2010	Toán	0.75	0.75		
82	130186	Danh Trường Vũ	26/03/2010	Toán	1.25	1.5	0.25	
83	140014	Huỳnh Anh Bảo	01/01/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
84	140070	Diệp Thị Thuý Lam	19/02/2010	Toán	0.75	0.75		
85	150008	Huỳnh Thiên Ân	15/10/2010	Toán Chuyên	4	4		
86	150008	Huỳnh Thiên Ân	15/10/2010	Toán	8.25	8.25		
87	150015	Lê Hà Tú Anh	24/09/2010	Ngữ văn	6.75	6.75		
88	150015	Lê Hà Tú Anh	24/09/2010	Tiếng Anh Chuyên	5.7	5.7		
89	150015	Lê Hà Tú Anh	24/09/2010	Tiếng Anh	7.2	7.2		
90	150015	Lê Hà Tú Anh	24/09/2010	Toán	5.25	5.25		
91	150016	Thạch Huỳnh Anh	27/01/2010	Ngữ văn	7.5	7.5		
92	150016	Thạch Huỳnh Anh	27/01/2010	Toán Chuyên	6	6		
93	150016	Thạch Huỳnh Anh	27/01/2010	Tiếng Anh	6.3	6.3		
94	150016	Thạch Huỳnh Anh	27/01/2010	Toán	9	9		
95	150021	Lê Nguyễn Minh Anh	12/07/2010	Toán Chuyên	5	5		
96	150025	Lê Quốc Anh	02/12/2010	Ngữ văn	7.25	7.25		
97	150025	Lê Quốc Anh	02/12/2010	Tiếng Anh	8.6	8.6		
98	150025	Lê Quốc Anh	02/12/2010	Toán	7	7		
99	150043	Dương Ngọc Bảo Châu	01/11/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
100	150043	Dương Ngọc Bảo Châu	01/11/2010	Tiếng Anh Chuyên	4.4	4.4		
101	150043	Dương Ngọc Bảo Châu	01/11/2010	Toán	7.25	7.25		
102	150047	Trần Lê Uyên Chi	01/01/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
103	150047	Trần Lê Uyên Chi	01/01/2010	Tiếng Anh	5.8	5.8		
104	150047	Trần Lê Uyên Chi	01/01/2010	Toán	6.75	6.75		
105	150073	Nguyễn Nhật Đăng	17/01/2010	Ngữ văn	7	7		
106	150073	Nguyễn Nhật Đăng	17/01/2010	Tiếng Anh Chuyên	5.7	5.7		
107	150073	Nguyễn Nhật Đăng	17/01/2010	Tiếng Anh	8.4	8.4		
108	150073	Nguyễn Nhật Đăng	17/01/2010	Toán	5.75	5.75		
109	150078	Nguyễn Thành Đạt	30/08/2010	Toán Chuyên	4.25	4.25		
110	150094	Lý Tú Hân	04/02/2010	Tiếng Anh Chuyên	4.8	4.8		
111	150111	Liêu Thế Hiển	01/01/2010	Sinh học Chuyên	4.5	4.5		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
112	150111	Liêu Thế Hiền	01/01/2010	Tiếng Anh	6.6	6.6		
113	150111	Liêu Thế Hiền	01/01/2010	Toán	8.75	9	0.25	
114	150118	Hứa Nguyễn Chấn Hưng	28/03/2010	Tin học Chuyên	3.3	3.3		
115	150118	Hứa Nguyễn Chấn Hưng	28/03/2010	Tiếng Anh	4.6	4.6		
116	150121	Trần Việt Hưng	01/02/2010	Toán Chuyên	4.25	4.25		
117	150132	Bùi Gia Khang	08/10/2010	Toán Chuyên	3	3		
118	150135	Lý Thái Minh Khang	20/09/2010	Ngữ văn	8	8		
119	150135	Lý Thái Minh Khang	20/09/2010	Sinh học Chuyên	7.25	7.25		
120	150135	Lý Thái Minh Khang	20/09/2010	Tiếng Anh	3.6	3.6		
121	150135	Lý Thái Minh Khang	20/09/2010	Toán	7.5	7.5		
122	150190	Trương Kim Ngân	11/06/2010	Toán	4.25	4.25		
123	150198	Lâm Thị Ngọc Ngân	12/06/2010	Ngữ văn	4.75	5	0.25	
124	150198	Lâm Thị Ngọc Ngân	12/06/2010	Toán	4.5	4.5		
125	150199	Lý Thị Ngọc Ngân	09/01/2010	Tiếng Anh	4.9	4.9		
126	150215	Tô Kim Ngọc	16/11/2010	Tiếng Anh	4.9	4.9		
127	150218	Nguyễn Minh Ngọc	01/10/2010	Ngữ văn	6.75	6.75		
128	150218	Nguyễn Minh Ngọc	01/10/2010	Tiếng Anh	6.7	6.7		
129	150218	Nguyễn Minh Ngọc	01/10/2010	Toán	4.75	4.75		
130	150226	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	20/12/2010	Ngữ văn	7.75	7.75		
131	150226	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	20/12/2010	Toán Chuyên	3.5	3.5		
132	150226	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	20/12/2010	Tiếng Anh	6.7	6.7		
133	150226	Nguyễn Ngọc Khánh Nguyên	20/12/2010	Toán	9	9		
134	150228	Tổng Phúc Nguyên	25/10/2010	Ngữ văn	6.75	6.75		
135	150228	Tổng Phúc Nguyên	25/10/2010	Toán Chuyên	5.5	5.5		
136	150228	Tổng Phúc Nguyên	25/10/2010	Tiếng Anh	8.4	8.4		
137	150228	Tổng Phúc Nguyên	25/10/2010	Toán	8.75	8.75		
138	150257	Lê Nguyễn Thiên Phú	02/03/2010	Toán Chuyên	4.25	4.5	0.25	
139	150280	Lý Na Rương	23/09/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
140	150280	Lý Na Rương	23/09/2010	Tiếng Anh Chuyên	5.6	5.6		
141	150280	Lý Na Rương	23/09/2010	Tiếng Anh	7.9	7.9		
142	150280	Lý Na Rương	23/09/2010	Toán	6.75	6.75		
143	150299	Trương Huỳnh Khánh Thi	02/03/2010	Toán	4.5	4.5		
144	150330	Võ Bích Trâm	02/01/2010	Tiếng Anh	4.9	4.9		
145	150341	Lý Nguyễn Minh Tri	27/10/2010	Ngữ văn	4.5	4.5		
146	150346	Nguyễn Ngọc Vân Trinh	14/08/2010	Toán Chuyên	4.25	4.25		
147	150349	Hứa Ngọc Trúc	23/02/2010	Ngữ văn	7.5	7.5		
148	150349	Hứa Ngọc Trúc	23/02/2010	Toán Chuyên	4	4		
149	150354	Lâm Hoàng Minh Tú	17/01/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
150	150376	Nguyễn Thị Phương Uyên	03/06/2010	Toán Chuyên	4.5	4.75	0.25	
151	150384	Dương Trí Vĩnh	07/03/2010	Toán Chuyên	4.25	4.25		
152	150408	Nhâm Hoàng Yến	08/03/2010	Tiếng Anh Chuyên	4.7	4.7		
153	160002	Trần Bình An	24/08/2010	Ngữ văn	5	5		
154	160002	Trần Bình An	24/08/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
155	160002	Trần Bình An	24/08/2010	Toán	4.25	4.25		
156	160009	Lâm Thanh Ân	29/09/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
157	160009	Lâm Thanh Ân	29/09/2010	Tiếng Anh	3.3	3.3		
158	160009	Lâm Thanh Ân	29/09/2010	Toán	3	3		
159	160011	La Thị Mai Anh	18/06/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
160	160015	Lý Trần Thế Anh	12/01/2010	Ngữ văn	5	5.25	0.25	
161	160015	Lý Trần Thế Anh	12/01/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
162	160015	Lý Trần Thế Anh	12/01/2010	Toán	4.75	4.75		
163	160026	Lâm Quốc Bảo	11/06/2010	Ngữ văn	3.25	3.25		
164	160026	Lâm Quốc Bảo	11/06/2010	Tiếng Anh	3.8	3.8		
165	160026	Lâm Quốc Bảo	11/06/2010	Toán	3.75	3.75		
166	160027	Son Thái Bảo	22/01/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
167	160027	Son Thái Bảo	22/01/2010	Tiếng Anh	2.4	2.4		
168	160027	Son Thái Bảo	22/01/2010	Toán	3	3		
169	160045	Lâm Thùy Dung	31/01/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
170	160045	Lâm Thùy Dung	31/01/2010	Tiếng Anh	4.4	4.4		
171	160045	Lâm Thùy Dung	31/01/2010	Toán	3.25	3.25		
172	160048	Son Phong Duy	22/10/2010	Ngữ văn	3.75	4	0.25	
173	160048	Son Phong Duy	22/10/2010	Tiếng Anh	4.4	4.4		
174	160048	Son Phong Duy	22/10/2010	Toán	4.25	4.25		
175	160053	Lý Bảo Liên Đăng	06/01/2010	Ngữ văn	2	2		
176	160053	Lý Bảo Liên Đăng	06/01/2010	Tiếng Anh	3	3		
177	160053	Lý Bảo Liên Đăng	06/01/2010	Toán	3.5	3.5		
178	160056	Châu Minh Khánh Đăng	05/06/2010	Ngữ văn	5	5		
179	160056	Châu Minh Khánh Đăng	05/06/2010	Tiếng Anh	3.8	3.8		
180	160066	Kim Hoàng Đông	08/08/2010	Ngữ văn	4.5	4.75	0.25	
181	160066	Kim Hoàng Đông	08/08/2010	Tiếng Anh	3.3	3.3		
182	160066	Kim Hoàng Đông	08/08/2010	Toán	3.75	3.75		
183	160071	Điền Triệu Thanh Giàu	22/11/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
184	160071	Điền Triệu Thanh Giàu	22/11/2010	Tiếng Anh	3.4	3.4		
185	160071	Điền Triệu Thanh Giàu	22/11/2010	Toán	4.5	4.5		
186	160078	Son Ngọc Hân	12/12/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
187	160078	Son Ngọc Hân	12/12/2010	Tiếng Anh	2.9	2.9		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
188	160078	Sơn Ngọc Hân	12/12/2010	Toán	3.25	3.25		
189	160083	Lý Trần Khả Hân	31/05/2010	Tiếng Anh	3.5	3.5		
190	160083	Lý Trần Khả Hân	31/05/2010	Toán	3.25	3.25		
191	160084	Lý Trần Kiều Hân	31/05/2010	Tiếng Anh	2.2	2.2		
192	160084	Lý Trần Kiều Hân	31/05/2010	Toán	3.25	3.25		
193	160090	Lâm Quốc Hào	15/07/2010	Ngữ văn	6	6.25	0.25	
194	160090	Lâm Quốc Hào	15/07/2010	Tiếng Anh	3	3		
195	160090	Lâm Quốc Hào	15/07/2010	Toán	3.25	3.25		
196	160092	Trà Trung Hậu	25/09/2010	Ngữ văn	4	4.25	0.25	
197	160092	Trà Trung Hậu	25/09/2010	Tiếng Anh	4	4		
198	160092	Trà Trung Hậu	25/09/2010	Toán	4	4		
199	160100	Lâm Phúc Hiếu	09/04/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
200	160100	Lâm Phúc Hiếu	09/04/2010	Tiếng Anh	3.8	3.8		
201	160100	Lâm Phúc Hiếu	09/04/2010	Toán	2.5	2.5		
202	160107	Huỳnh Kim Huệ	16/08/2010	Ngữ văn	5.75	6	0.25	
203	160107	Huỳnh Kim Huệ	16/08/2010	Tiếng Anh	2.3	2.3		
204	160107	Huỳnh Kim Huệ	16/08/2010	Toán	5	5		
205	160118	Lâm Nhật Huy	21/02/2010	Ngữ văn	4.5	4.5		
206	160118	Lâm Nhật Huy	21/02/2010	Tiếng Anh	2.8	2.8		
207	160118	Lâm Nhật Huy	21/02/2010	Toán	5	5		
208	160119	Nguyễn Phương Long Hoàng Huy	13/01/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
209	160119	Nguyễn Phương Long Hoàng Huy	13/01/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
210	160119	Nguyễn Phương Long Hoàng Huy	13/01/2010	Toán	3	3		
211	160126	Trần Minh Khang	02/12/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
212	160126	Trần Minh Khang	02/12/2010	Tiếng Anh	2.5	2.5		
213	160126	Trần Minh Khang	02/12/2010	Toán	4	4		
214	160127	Triệu Minh Khang	29/01/2010	Ngữ văn	5	5		
215	160127	Triệu Minh Khang	29/01/2010	Tiếng Anh	2.6	2.6		
216	160127	Triệu Minh Khang	29/01/2010	Toán	4	4		
217	160132	Thạch Vĩnh Khang	12/03/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
218	160132	Thạch Vĩnh Khang	12/03/2010	Tiếng Anh	3.3	3.3		
219	160132	Thạch Vĩnh Khang	12/03/2010	Toán	3.5	3.5		
220	160141	Sơn Anh Kiệt	18/05/2010	Ngữ văn	5.75	6	0.25	
221	160141	Sơn Anh Kiệt	18/05/2010	Tiếng Anh	4.2	4.2		
222	160141	Sơn Anh Kiệt	18/05/2010	Toán	3	3		
223	160150	Lâm Kiều Lam	28/12/2010	Toán	1	1		
224	160165	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/2010	Ngữ văn	6	6		
225	160165	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/2010	Tiếng Anh	3.5	3.5		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
226	160165	Trần Thị Mỹ Linh	30/12/2010	Toán	4.5	4.5		
227	160177	Thạch Lý	14/04/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
228	160177	Thạch Lý	14/04/2010	Tiếng Anh	2.5	2.5		
229	160177	Thạch Lý	14/04/2010	Toán	4.25	4.25		
230	160182	Huỳnh Xuân Mai	27/01/2010	Ngữ văn	6.25	6.5	0.25	
231	160182	Huỳnh Xuân Mai	27/01/2010	Tiếng Anh	3.1	3.1		
232	160182	Huỳnh Xuân Mai	27/01/2010	Toán	2.5	2.5		
233	160193	Thạch Thị Diễm My	29/03/2010	Ngữ văn	6.25	6.5	0.25	
234	160193	Thạch Thị Diễm My	29/03/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
235	160193	Thạch Thị Diễm My	29/03/2010	Toán	1.75	1.75		
236	160201	Kiên Hoàng Nam	19/07/2010	Ngữ văn	6	6		
237	160201	Kiên Hoàng Nam	19/07/2010	Tiếng Anh	3.6	3.6		
238	160201	Kiên Hoàng Nam	19/07/2010	Toán	3.25	3.25		
239	160204	Thạch Quách Tự Nam	08/08/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
240	160204	Thạch Quách Tự Nam	08/08/2010	Tiếng Anh	2.2	2.2		
241	160204	Thạch Quách Tự Nam	08/08/2010	Toán	4.25	4.25		
242	160207	Kiên Nguyễn Ngọc Ngân	27/09/2010	Ngữ văn	5.5	5.75	0.25	
243	160207	Kiên Nguyễn Ngọc Ngân	27/09/2010	Tiếng Anh	2.3	2.3		
244	160207	Kiên Nguyễn Ngọc Ngân	27/09/2010	Toán	4.75	4.75		
245	160208	Danh Thị Kim Ngân	05/03/2010	Ngữ văn	5.25	5.25		
246	160208	Danh Thị Kim Ngân	05/03/2010	Tiếng Anh	2.7	2.7		
247	160208	Danh Thị Kim Ngân	05/03/2010	Toán	2.75	2.75		
248	160214	Hàng Việt Nghi	10/04/2009	Ngữ văn	6.25	6.25		
249	160214	Hàng Việt Nghi	10/04/2009	Tiếng Anh	3.7	3.7		
250	160218	Lâm Điền Bảo Ngọc	15/04/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
251	160218	Lâm Điền Bảo Ngọc	15/04/2010	Tiếng Anh	4	4		
252	160218	Lâm Điền Bảo Ngọc	15/04/2010	Toán	3.75	3.75		
253	160227	Lâm Sỹ Nguyên	10/06/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
254	160227	Lâm Sỹ Nguyên	10/06/2010	Tiếng Anh	4	4		
255	160227	Lâm Sỹ Nguyên	10/06/2010	Toán	4.75	4.75		
256	160231	Trần Trần Tú Nguyên	27/03/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
257	160231	Trần Trần Tú Nguyên	27/03/2010	Tiếng Anh	2.3	2.3		
258	160231	Trần Trần Tú Nguyên	27/03/2010	Toán	2.5	2.5		
259	160245	Thạch Ngọc Nhiên	23/04/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
260	160245	Thạch Ngọc Nhiên	23/04/2010	Tiếng Anh	3	3		
261	160255	Lý Minh Phát	28/08/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
262	160255	Lý Minh Phát	28/08/2010	Tiếng Anh	3	3		
263	160261	Giang Thành Phúc	24/05/2010	Tiếng Anh	2.6	2.6		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
264	160261	Giang Thành Phúc	24/05/2010	Toán	4.25	4.25		
265	160276	Trần Trần Tú Quyên	27/03/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
266	160276	Trần Trần Tú Quyên	27/03/2010	Tiếng Anh	2	2		
267	160276	Trần Trần Tú Quyên	27/03/2010	Toán	0.5	0.5		
268	160278	Lý Khê Ma Rã	27/07/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
269	160278	Lý Khê Ma Rã	27/07/2010	Tiếng Anh	2	2		
270	160278	Lý Khê Ma Rã	27/07/2010	Toán	2	2		
271	160287	Võ Trí Tài	13/09/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
272	160287	Võ Trí Tài	13/09/2010	Tiếng Anh	3.8	3.8		
273	160287	Võ Trí Tài	13/09/2010	Toán	3.75	3.75		
274	160288	Lý Khai Tâm	16/07/2010	Ngữ văn	7	7		
275	160288	Lý Khai Tâm	16/07/2010	Tiếng Anh	2.4	2.4		
276	160288	Lý Khai Tâm	16/07/2010	Toán	2.25	2.25		
277	160296	Tạ Ánh Thanh	03/04/2010	Ngữ văn	7	7		
278	160296	Tạ Ánh Thanh	03/04/2010	Tiếng Anh	3.6	3.6		
279	160296	Tạ Ánh Thanh	03/04/2010	Toán	3.25	3.25		
280	160311	Trần Quốc Thịnh	17/10/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
281	160311	Trần Quốc Thịnh	17/10/2010	Tiếng Anh	2.6	2.6		
282	160311	Trần Quốc Thịnh	17/10/2010	Toán	4	4		
283	160337	Sơn Thị Cẩm Tiên	22/02/2010	Ngữ văn	6.25	6.25		
284	160337	Sơn Thị Cẩm Tiên	22/02/2010	Tiếng Anh	2.4	2.4		
285	160337	Sơn Thị Cẩm Tiên	22/02/2010	Toán	2.75	2.75		
286	160339	Trần Thị Cẩm Tiên	11/05/2009	Ngữ văn	6.25	6.25		
287	160339	Trần Thị Cẩm Tiên	11/05/2009	Tiếng Anh	3	3		
288	160341	Lý Trọng Tín	05/09/2010	Ngữ văn	5	5		
289	160341	Lý Trọng Tín	05/09/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
290	160341	Lý Trọng Tín	05/09/2010	Toán	4	4		
291	160367	Thạch Thị Ngọc Trúc	24/11/2010	Ngữ văn	7.5	7.5		
292	160367	Thạch Thị Ngọc Trúc	24/11/2010	Tiếng Anh	2.5	2.5		
293	160367	Thạch Thị Ngọc Trúc	24/11/2010	Toán	2.75	2.75		
294	160374	Lâm Sơn Thái Tuấn	07/08/2010	Ngữ văn	7	7		
295	160374	Lâm Sơn Thái Tuấn	07/08/2010	Tiếng Anh	1.8	1.8		
296	160374	Lâm Sơn Thái Tuấn	07/08/2010	Toán	2.75	2.75		
297	160386	Thạch Thị Vang	09/11/2009	Ngữ văn	6.75	6.75		
298	160386	Thạch Thị Vang	09/11/2009	Tiếng Anh	2.9	2.9		
299	160386	Thạch Thị Vang	09/11/2009	Toán	2.75	2.75		
300	170031	Trương Công Danh	22/01/2010	Toán	1	1		
301	170084	Nguyễn Trung Hậu	25/01/2010	Tiếng Anh	1	1		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
302	170105	Lương Quốc Huy	27/08/2010	Toán	1.25	1.25		
303	170149	Lê Duy Mẫn	06/11/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
304	170336	Võ Văn Vương	17/08/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
305	180041	Trần Thái Duy	15/05/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
306	180049	Nguyễn Hải Đăng	14/03/2010	Toán	0.25	0.25		
307	180223	Kỷ Hồng Phú	30/04/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
308	180234	Nguyễn Văn Quý	30/01/2008	Ngữ văn	1	1		
309	180338	Lê Thị Tường Vi	09/03/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
310	180338	Lê Thị Tường Vi	09/03/2010	Toán	1	1		
311	190001	Hồ Ngọc Ái Ái	05/01/2010	Toán	0.25	0.25		
312	190027	Hồ Thị Thùy Dương	24/02/2009	Tiếng Anh	1.2	1.2		
313	190027	Hồ Thị Thùy Dương	24/02/2009	Toán	1.25	1.25		
314	190035	Văn Công Tuấn Đức	21/10/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
315	190035	Văn Công Tuấn Đức	21/10/2010	Toán	1	1		
316	190047	Võ Nguyễn Ngọc Huệ	26/12/2010	Toán	0.75	0.75		
317	190072	Lê Huỳnh Khương	02/11/2010	Toán	0.25	0.25		
318	190074	Nguyễn Thị Diễm Kiều	05/07/2010	Toán	1.25	1.25		
319	190079	Lê Thị Tường Lam	10/12/2010	Toán	0.75	0.75		
320	190083	Thái Thị Khánh Liên	30/01/2010	Toán	0.25	0.25		
321	190173	Dương Hồng Thoại	14/09/2010	Toán	0	0		
322	190199	Quan Trọng Triết	10/08/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
323	200014	Văn Cao Bảo Anh	25/10/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
324	200014	Văn Cao Bảo Anh	25/10/2010	Tiếng Anh	2.9	2.9		
325	200014	Văn Cao Bảo Anh	25/10/2010	Toán	4	4		
326	200029	Lê Ngọc Lan Anh	15/10/2010	Ngữ văn	3.25	3.25		
327	200029	Lê Ngọc Lan Anh	15/10/2010	Tiếng Anh	3.3	3.3		
328	200029	Lê Ngọc Lan Anh	15/10/2010	Toán	4	4		
329	200044	Nguyễn Ngọc Hải Băng	30/01/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
330	200044	Nguyễn Ngọc Hải Băng	30/01/2010	Tiếng Anh	3.4	3.4		
331	200044	Nguyễn Ngọc Hải Băng	30/01/2010	Toán	4.75	4.75		
332	200045	Từ Thị Khánh Băng	12/09/2010	Tiếng Anh	3	3		
333	200045	Từ Thị Khánh Băng	12/09/2010	Toán	3.75	3.75		
334	200056	Võ Ngọc Bình	06/02/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
335	200056	Võ Ngọc Bình	06/02/2010	Tiếng Anh	2.4	2.4		
336	200056	Võ Ngọc Bình	06/02/2010	Toán	3	3.25	0.25	
337	200076	Châu Ngọc Dinh	05/03/2010	Ngữ văn	2.75	2.75		
338	200076	Châu Ngọc Dinh	05/03/2010	Tiếng Anh	5.2	5.2		
339	200076	Châu Ngọc Dinh	05/03/2010	Toán	5	5		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
340	200079	Trần Kim Dư	05/11/2010	Ngữ văn	4.5	4.5		
341	200079	Trần Kim Dư	05/11/2010	Toán	3.75	3.75		
342	200087	Phùng Đức Duy	31/12/2009	Ngữ văn	3	3		
343	200087	Phùng Đức Duy	31/12/2009	Tiếng Anh	4.5	4.5		
344	200087	Phùng Đức Duy	31/12/2009	Toán	4	4		
345	200095	Đồng Khánh Đăng	18/09/2010	Ngữ văn	4.25	4.25		
346	200095	Đồng Khánh Đăng	18/09/2010	Tiếng Anh	4.4	4.4		
347	200095	Đồng Khánh Đăng	18/09/2010	Toán	4	4		
348	200103	Huỳnh Tấn Đạt	13/05/2010	Ngữ văn	5.25	5.25		
349	200103	Huỳnh Tấn Đạt	13/05/2010	Tiếng Anh	5.5	5.5		
350	200103	Huỳnh Tấn Đạt	13/05/2010	Toán	3.25	3.25		
351	200109	Lê Nguyễn Đình	06/12/2010	Ngữ văn	5	5		
352	200109	Lê Nguyễn Đình	06/12/2010	Toán	4.5	4.5		
353	200119	Võ Minh Giàu	06/01/2010	Ngữ văn	5	5		
354	200119	Võ Minh Giàu	06/01/2010	Toán	4.75	4.75		
355	200138	Phùng Khả Hân	17/01/2010	Ngữ văn	5.25	5.25		
356	200138	Phùng Khả Hân	17/01/2010	Toán	4.75	4.75		
357	200146	Trương Ngọc Mai Hân	20/09/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
358	200146	Trương Ngọc Mai Hân	20/09/2010	Toán	5.25	5.25		
359	200148	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	10/03/2010	Ngữ văn	5.5	5.75	0.25	
360	200148	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	10/03/2010	Tiếng Anh	4.9	4.9		
361	200148	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	10/03/2010	Toán	4.25	4.25		
362	200157	Huỳnh Minh Hào	13/01/2010	Tiếng Anh	2.7	2.7		
363	200157	Huỳnh Minh Hào	13/01/2010	Toán	4	4		
364	200206	Nguyễn Phạm Gia Huy	17/01/2010	Tiếng Anh	3.5	3.5		
365	200206	Nguyễn Phạm Gia Huy	17/01/2010	Toán	4.25	4.25		
366	200214	Thạch Khang Hy	08/09/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
367	200214	Thạch Khang Hy	08/09/2010	Tiếng Anh	5.6	5.6		
368	200214	Thạch Khang Hy	08/09/2010	Toán	4.25	4.25		
369	200226	Hồng Thanh Vũ Khang	26/01/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
370	200226	Hồng Thanh Vũ Khang	26/01/2010	Tiếng Anh	2.9	2.9		
371	200226	Hồng Thanh Vũ Khang	26/01/2010	Toán	4.75	4.75		
372	200249	Lý Nhật Khôi	14/12/2010	Ngữ văn	4.25	4.25		
373	200249	Lý Nhật Khôi	14/12/2010	Tiếng Anh	4	4		
374	200249	Lý Nhật Khôi	14/12/2010	Toán	4.75	4.75		
375	200258	Lưu Huỳnh Ký	30/03/2010	Ngữ văn	5.25	5.25		
376	200258	Lưu Huỳnh Ký	30/03/2010	Tiếng Anh	3	3		
377	200258	Lưu Huỳnh Ký	30/03/2010	Toán	4	4		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
378	200314	Nguyễn Quang Minh	01/07/2010	Tiếng Anh	6.4	6.4		
379	200314	Nguyễn Quang Minh	01/07/2010	Toán	3	3		
380	200324	Lý Thảo My	18/12/2010	Ngữ văn	4.75	4.75		
381	200324	Lý Thảo My	18/12/2010	Tiếng Anh	3.6	3.6		
382	200324	Lý Thảo My	18/12/2010	Toán	4.75	4.75		
383	200332	Nguyễn Hoàng Thiên Ngân	11/06/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
384	200332	Nguyễn Hoàng Thiên Ngân	11/06/2010	Toán	4.75	4.75		
385	200337	Nhâm Kim Ngân	06/04/2010	Ngữ văn	6	6		
386	200337	Nhâm Kim Ngân	06/04/2010	Tiếng Anh	4.1	4.1		
387	200337	Nhâm Kim Ngân	06/04/2010	Toán	4.25	4.25		
388	200341	Vương Ngọc Ngân	17/09/2010	Ngữ văn	6.75	6.75		
389	200341	Vương Ngọc Ngân	17/09/2010	Toán	4	4		
390	200343	Dương Thanh Ngân	06/10/2010	Ngữ văn	4.5	4.5		
391	200359	Quách Quỳnh Mẫn Nghi	16/05/2010	Ngữ văn	4.5	4.5		
392	200359	Quách Quỳnh Mẫn Nghi	16/05/2010	Tiếng Anh	4.4	4.4		
393	200359	Quách Quỳnh Mẫn Nghi	16/05/2010	Toán	4.25	4.25		
394	200365	Lê Phước Nghĩa	05/06/2010	Ngữ văn	6.5	6.5		
395	200365	Lê Phước Nghĩa	05/06/2010	Tiếng Anh	4.2	4.2		
396	200365	Lê Phước Nghĩa	05/06/2010	Toán	4	4		
397	200409	Dương Vũ Khôi Nguyên	19/10/2010	Ngữ văn	6	6.25	0.25	
398	200409	Dương Vũ Khôi Nguyên	19/10/2010	Tiếng Anh	2.6	2.6		
399	200409	Dương Vũ Khôi Nguyên	19/10/2010	Toán	4.5	4.5		
400	200458	Lưu Quốc Phát	03/06/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
401	200458	Lưu Quốc Phát	03/06/2010	Tiếng Anh	3	3		
402	200458	Lưu Quốc Phát	03/06/2010	Toán	4.5	4.5		
403	200460	Trương Tấn Phát	20/05/2010	Ngữ văn	4.25	4.5	0.25	
404	200460	Trương Tấn Phát	20/05/2010	Tiếng Anh	5.1	5.1		
405	200460	Trương Tấn Phát	20/05/2010	Toán	3.75	3.75		
406	200461	Lâm Thành Phát	11/07/2010	Ngữ văn	5	5.25	0.25	
407	200461	Lâm Thành Phát	11/07/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
408	200461	Lâm Thành Phát	11/07/2010	Toán	5.25	5.25		
409	200463	Trần Thuận Phát	02/04/2010	Ngữ văn	5	5		
410	200495	Lê Thị Lan Phương	06/06/2009	Ngữ văn	3.75	3.75		
411	200495	Lê Thị Lan Phương	06/06/2009	Tiếng Anh	1.6	1.6		
412	200495	Lê Thị Lan Phương	06/06/2009	Toán	1	1		
413	200497	Vũ Hoàng Quân	30/01/2010	Ngữ văn	5.5	5.75	0.25	
414	200497	Vũ Hoàng Quân	30/01/2010	Tiếng Anh	2.9	2.9		
415	200497	Vũ Hoàng Quân	30/01/2010	Toán	7.5	7.5		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
416	200505	Kha Hoàng Phú Quý	30/03/2010	Ngữ văn	5	5		
417	200505	Kha Hoàng Phú Quý	30/03/2010	Tiếng Anh	3.1	3.1		
418	200505	Kha Hoàng Phú Quý	30/03/2010	Toán	1.5	1.5		
419	200545	Phan Thanh Thiện	31/12/2010	Ngữ văn	6	6		
420	200545	Phan Thanh Thiện	31/12/2010	Tiếng Anh	3	3		
421	200545	Phan Thanh Thiện	31/12/2010	Toán	3.5	3.5		
422	200557	Trương Phúc Thịnh	21/06/2010	Toán	1	1		
423	200578	Lê Lạc Thu	12/08/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
424	200578	Lê Lạc Thu	12/08/2010	Toán	3.75	3.75		
425	200599	Phan Ngọc Tiên	19/10/2010	Ngữ văn	5.5	5.5		
426	200599	Phan Ngọc Tiên	19/10/2010	Tiếng Anh	2.6	2.6		
427	200599	Phan Ngọc Tiên	19/10/2010	Toán	1.5	1.5		
428	200609	Huỳnh Diệp Bích Trâm	15/07/2010	Ngữ văn	8	8		
429	200609	Huỳnh Diệp Bích Trâm	15/07/2010	Tiếng Anh	3.2	3.2		
430	200609	Huỳnh Diệp Bích Trâm	15/07/2010	Toán	4.5	4.5		
431	200621	Trần Nguyễn Ngọc Trân	31/05/2010	Ngữ văn	6	6		
432	200621	Trần Nguyễn Ngọc Trân	31/05/2010	Tiếng Anh	3.7	3.7		
433	200621	Trần Nguyễn Ngọc Trân	31/05/2010	Toán	4.75	4.75		
434	200632	Trần Tuyết Ngọc Trinh	16/05/2010	Toán	1	1		
435	200649	Trương Thái Tuấn	20/09/2010	Ngữ văn	5.25	5.5	0.25	
436	200649	Trương Thái Tuấn	20/09/2010	Tiếng Anh	3.6	3.6		
437	200656	Nguyễn Ngọc Tuyền	12/11/2010	Ngữ văn	5.25	5.25		
438	200656	Nguyễn Ngọc Tuyền	12/11/2010	Tiếng Anh	4.1	4.1		
439	200656	Nguyễn Ngọc Tuyền	12/11/2010	Toán	6	6		
440	200671	Lê Đỗ Khánh Vy	30/06/2010	Ngữ văn	5.75	5.75		
441	200671	Lê Đỗ Khánh Vy	30/06/2010	Tiếng Anh	2.7	2.7		
442	200671	Lê Đỗ Khánh Vy	30/06/2010	Toán	4.5	4.5		
443	200675	Lê Khả Vy	21/04/2010	Ngữ văn	7.25	7.25		
444	200675	Lê Khả Vy	21/04/2010	Tiếng Anh	2.5	2.5		
445	200675	Lê Khả Vy	21/04/2010	Toán	2.75	2.75		
446	200679	Trần Khánh Vy	03/06/2010	Ngữ văn	7.25	7.5	0.25	
447	200679	Trần Khánh Vy	03/06/2010	Tiếng Anh	3.1	3.1		
448	200679	Trần Khánh Vy	03/06/2010	Toán	4.25	4.25		
449	210018	Lê Thị Minh Anh	01/11/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
450	210033	Bùi Văn Đô	08/04/2010	Toán	0	0		
451	210034	Nguyễn Huỳnh Minh Dư	21/06/2010	Toán	0.75	0.75		
452	210084	Nguyễn Trường Hiếu	06/06/2010	Toán	0.5	0.5		
453	210093	Nguyễn Gia Huy	05/07/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
454	210146	Trần Tấn Lộc	08/07/2010	Toán	0.25	0.25		
455	210156	Phạm Xuân Mai	17/03/2010	Toán	1	1		
456	210173	Trương Bảo Ngọc	14/10/2010	Toán	0.25	0.25		
457	210203	Trần Thị Yến Nhi	09/12/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
458	210231	Ngô Thị Diễm Phương	02/01/2010	Toán	0.5	0.5		
459	210284	Trần Thị Anh Thư	02/10/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
460	210329	Nguyễn Tấn Vàng	13/04/2010	Toán	1.25	1.25		
461	220035	Lâm Thạch Biền	23/01/2009	Toán	0.25	0.25		
462	220073	Nguyễn Ngọc Điều	04/05/2010	Ngữ văn	1.5	1.5		
463	220074	Trần Công Định	09/05/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
464	220106	Võ Thị Hồng Hoa	05/01/2009	Tiếng Anh	1.4	1.4		
465	220111	Lê Văn Nhớ Hoài	20/12/2009	Ngữ văn	2.5	2.5		
466	220262	Đặng Thành Nhân	01/11/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
467	220267	Lê Huỳnh Ngọc Nhi	23/05/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
468	220269	Tô Thị Kiều Nhi	24/04/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
469	220297	Lâm Hoàng Phú	14/07/2010	Tiếng Anh	1	1		
470	220317	Lê Thanh Quý	19/08/2009	Tiếng Anh	1	1		
471	220374	Võ Minh Thuận	25/04/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
472	230019	Võ Công Chuẩn	30/03/2010	Toán	4.5	4.5		
473	230062	Nguyễn Lý Trường Khá	23/08/2008	Toán	0.5	0.5		
474	230064	Võ Nhật Khả	07/03/2010	Toán	0.5	0.5		
475	230121	Ngô Phương Ngọc	07/03/2010	Toán	1	1		
476	230129	Nguyễn Thanh Nhân	21/01/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
477	230212	Bùi Thúy Vy	08/03/2010	Toán	0	0		
478	240138	Sơn Dương Thiên Lý	25/10/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
479	240185	Dương Minh Nhân	12/06/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
480	240242	Sơn Minh Thái	25/12/2010	Toán	0.5	0.5		
481	240243	Thái Thanh Thái	05/05/2010	Toán	0.25	0.25		
482	250002	Thạch Thị Ngọc Ái	17/04/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
483	250008	Lý Thế Anh	18/11/2010	Toán	1	1		
484	250014	Kim Thị Hoàng Ánh	18/05/2009	Ngữ văn	1.5	1.5		
485	250014	Kim Thị Hoàng Ánh	18/05/2009	Tiếng Anh	1	1		
486	250014	Kim Thị Hoàng Ánh	18/05/2009	Toán	0.5	0.5		
487	250099	Lý Hào Nam	10/01/2010	Toán	1	1		
488	250118	Triệu Hoàng Nhật	17/12/2010	Toán	0.75	0.75		
489	250168	Liêu Minh Ngọc Thịnh	13/01/2010	Toán	0.75	0.75		
490	250169	Nguyễn Kim Anh Thư	22/11/2010	Toán	0.25	0.25		
491	250176	Đàm Cảnh Tiên	02/04/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
492	250180	Nguyễn Thanh Tiến	05/10/2010	Toán	0.25	0.25		
493	250181	Sơn Thị Ngọc Tiên	31/10/2010	Toán	0.75	0.75		
494	250192	Thạch Thị Thùy Trang	28/09/2010	Tiếng Anh	1	1		
495	250205	Sơn Lý Thúy Vân	01/09/2009	Toán	1	1		
496	260031	Quách Thị Ngọc Ánh	08/01/2010	Toán	1	1		
497	260046	Nguyễn Thị Mộng Cầm	01/05/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
498	260146	Phạm Gia Huy	08/12/2010	Toán	0.75	0.75		
499	260174	Đàm Thị Hồng Khuyên	23/09/2010	Toán	1	1		
500	260210	Trần Đức Mạnh	21/11/2010	Tiếng Anh	1.1	1.1		
501	260248	Dương Thị Mộng Nghi	20/02/2010	Toán	1	1		
502	260315	Đinh Tuấn Phát	23/12/2010	Toán	1	1		
503	260352	Khưu Thị Yến Quỳnh	01/10/2010	Toán	1	1		
504	270059	Lê Minh Kiệt	19/10/2010	Toán	1	1		
505	280057	Chiang Triệu Dương	31/05/2010	Toán	0.5	0.5		
506	280066	Huỳnh Hải Đăng	12/12/2010	Toán	1	1		
507	280258	Sơn Phạm Trung Nguyên	02/08/2010	Toán	1	1		
508	290122	Lê Nhật Phi	03/05/2010	Toán	1.25	1.5	0.25	
509	300059	Quang Yến My	11/08/2010	Toán	1	1		
510	300107	Nguyễn Thanh Vân	20/04/2010	Toán	1	1		
511	310001	Trần Khả Ái	24/06/2010	Toán	0.5	0.5		
512	310024	Tăng Thái Bình	13/02/2010	Toán	0.75	0.75		
513	310058	Thạch Châu Đông	16/08/2010	Toán	0	0		
514	310200	Nguyễn Thị Bảo Nghi	09/02/2009	Toán	1	1		
515	310223	Trịnh Minh Nhật	25/02/2009	Tiếng Anh	1.4	1.4		
516	310233	Kim Thị Hàn Nhi	11/01/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
517	310240	Võ Thị Hồng Nhiên	02/04/2010	Toán	1	1		
518	310292	Huỳnh Thị Hồng Quyên	02/09/2010	Tiếng Anh	1	1		
519	310347	Nguyễn Hưng Thịnh	24/08/2009	Ngữ văn	1.25	1.25		
520	310435	Huỳnh Triệu Vy	14/07/2010	Toán	1.25	1.25		
521	330069	Lý Thiên Kỳ	26/12/2009	Tiếng Anh	0.6	0.6		
522	330081	Nguyễn Thảo Mai	18/02/2010	Tiếng Anh	1	1		
523	330147	Thạch Thị Ngọc Thanh	15/01/2010	Toán	0.75	0.75		
524	330190	Lý Hoàng Tuấn	10/09/2010	Toán	1	1		
525	330194	Phương Thanh Tùng	14/12/2010	Toán	0.5	0.5		
526	340014	Nguyễn Hoàng Vân Anh	24/06/2010	Toán	1	1		
527	340035	Đái Quốc Bảo	01/07/2009	Toán	1.25	1.25		
528	340057	Trần Sơn Thái Thành Công	20/11/2010	Toán	1.25	1.25		
529	340072	Thạch Dương Minh Duy	29/07/2010	Toán	1	1		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
530	340074	Ung Hoàng Vũ Duy	19/11/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
531	340089	Lê Nhân Đạo	04/12/2009	Ngữ văn	2.5	2.5		
532	340089	Lê Nhân Đạo	04/12/2009	Tiếng Anh	2.4	2.4		
533	340089	Lê Nhân Đạo	04/12/2009	Toán	1	1		
534	340108	Thạch Đoàn	13/06/2010	Toán	0.25	0.25		
535	340125	Trần Gia Hân	12/09/2010	Toán	1	1		
536	340151	Dương Thị Tuyết Hoa	21/03/2010	Toán	1.25	1.25		
537	340152	Thạch Thị Phụng Hoàng	16/11/2010	Toán	0.25	0.25		
538	340165	Dương Bảo Huy	08/02/2010	Toán	1	1		
539	340209	Nguyễn Thế Khang	05/02/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
540	340218	Sơn Thị Sóc Khiên	22/12/2010	Toán	0.25	0.25		
541	340226	Triệu Tuấn Khởi	15/07/2010	Toán	1	1		
542	340246	Trần Thị Phương Linh	18/11/2010	Toán	0.75	0.75		
543	340248	Trần Minh Lộc	26/01/2010	Toán	1	1		
544	340264	Lý Thị Ngọc Mai	17/11/2010	Toán	1	1.25	0.25	
545	340274	Huỳnh Văn Minh	12/05/2010	Tiếng Anh	1.3	1.3		
546	340303	Dương Trí Nghĩa	14/04/2010	Toán	0.25	0.25		
547	340310	Đổng Kim Ngọc	16/04/2010	Tiếng Anh	3.3	3.3		
548	340310	Đổng Kim Ngọc	16/04/2010	Toán	0.25	0.25		
549	340314	La Thị Hồng Ngọc	04/03/2010	Toán	1.25	1.25		
550	340356	Phạm Hữu Phát	31/05/2010	Tiếng Anh	0.8	0.8		
551	340357	Chung Nguyễn Minh Phát	08/04/2010	Toán	0.5	0.5		
552	340367	Nguyễn Thanh Phú	20/02/2010	Toán	1	1		
553	340422	Lê Hoàng Tân	01/12/2009	Tiếng Anh	2.8	2.8		
554	340422	Lê Hoàng Tân	01/12/2009	Toán	1	1		
555	340532	Thạch Thị Cẩm Tú	05/01/2010	Toán	0.75	0.75		
556	340561	Lê Trịnh Quang Vinh	29/07/2010	Toán	1.25	1.25		
557	340568	Nguyễn Thị Yến Vy	08/12/2010	Toán	0	0		
558	340575	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/12/2010	Toán	0.5	0.5		
559	350041	Nguyễn Văn Dinh	05/08/2009	Toán	0.75	0.75		
560	350096	Võ Minh Hậu	30/05/2010	Tiếng Anh	1	1.2	0.2	
561	350153	Trương Thị Yến Linh	20/02/2010	Toán	0.75	0.75		
562	350190	Nguyễn Thị Kim Ngân	20/01/2010	Toán	1.25	1.25		
563	350343	Phạm Quốc Trọng	04/02/2009	Tiếng Anh	1.4	1.4		
564	350374	Đỗ Thị Trúc Xuân	26/03/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
565	360043	Lý Ngọc Dung	23/07/2010	Tiếng Anh	1.1	1.1		
566	360075	Lê Hoàng Đung	15/03/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
567	360115	Thạch Thị Thúy Hường	22/02/2010	Ngữ văn	0.75	0.75		

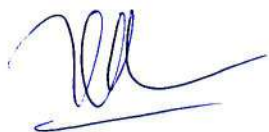
STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
568	360152	Nguyễn Phạm Minh Khoa	01/11/2010	Toán	1	1		
569	360185	Trương Thị Trúc Ly	09/11/2010	Toán	0.5	0.5		
570	360280	Lý Hoàng Quân	08/01/2010	Tiếng Anh	1.1	1.3	0.2 ✓	
571	360340	Đoàn Trần Anh Thư	16/10/2010	Toán	0.75	0.75		
572	360341	Lê Ninh Thuận	29/08/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
573	360354	Nguyễn Phát Toàn	03/03/2010	Toán	0	0		
574	370003	Võ Thị Khả Ái	26/04/2010	Toán	0.75	0.75		
575	370125	Huỳnh Thị Bích Hạnh	11/06/2010	Toán	1	1		
576	370198	Trần Đăng Khoa	01/07/2010	Tiếng Anh	1	1		
577	370198	Trần Đăng Khoa	01/07/2010	Toán	1	1		
578	370202	Võ Hoàng Đăng Khôi	16/12/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
579	370249	Sơn Thị Cẩm Ly	15/04/2010	Tiếng Anh	1	1		
580	370259	Thạch Mộng	01/01/2009	Tiếng Anh	1.2	1.2		
581	370372	Vũ Thiên Phú	13/10/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
582	370381	Lưu Hữu Phước	22/09/2010	Toán	0.75	0.75		
583	370442	Đỗ Nguyễn Gia Thịnh	04/11/2010	Toán	1	1		
584	370459	Phạm Minh Thư	01/01/2010	Toán	0.5	0.5		
585	370464	Lâm Thị Hồng Thư	28/08/2009	Toán	0.75	0.75		
586	370468	Thạch Hoàng Thương	08/02/2010	Toán	0.5	0.5		
587	370563	Kim Thị Ngọc Yến	14/08/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
588	380067	Lâm Khánh Hào	03/03/2009	Toán	0.75	0.75		
589	380084	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	25/05/2010	Toán	0.5	0.5		
590	380093	Thạch Chí Khang	21/10/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
591	380101	Thạch Tuấn Kiệt	03/04/2009	Toán	0.5	0.5		
592	380114	Danh Phương Mai	09/11/2009	Toán	1	1		
593	380125	Thạch Hoàng Nam	20/09/2010	Toán	0.25	0.5	0.25 ✓	
594	380131	Huỳnh Thị Thanh Ngân	28/03/2010	Toán	1.25	1.25		
595	380133	Nguyễn Trúc Nghi	01/04/2010	Ngữ văn	1	1		
596	380146	Thạch Hoàng Nhật	23/02/2009	Toán	0.25	0.25		
597	380158	Thạch Thị Oanh Ny	20/08/2010	Toán	1	1		
598	380166	Trần Tấn Phú	02/11/2010	Toán	1.25	1.25		
599	380174	Thạch Thị Ngọc Phương	21/11/2010	Toán	0.5	0.5		
600	380203	Sơn Mai Trí Thảo	18/06/2009	Toán	1	1		
601	380223	Trần Văn Tiến	14/10/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
602	380223	Trần Văn Tiến	14/10/2010	Toán	0.75	0.75		
603	380225	Lý Trầm Hân Tố	27/09/2010	Toán	1.25	1.25		
604	380228	Sơn Tấn Toàn	09/10/2010	Tiếng Anh	1.3	1.3		
605	380269	Dương Gia Yến	28/03/2010	Toán	1.25	1.25		

STT	Số báo danh	Họ tên	Ngày sinh	Môn phúc khảo	Điểm cũ	Điểm mới	Thay đổi	Ghi chú
606	390027	Thạch Chí Dĩ	13/06/2010	Toán	0.75	0.75		
607	390041	Danh Thị Kỳ Duyên	07/08/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
608	390130	Đình Hoàng Nam	31/01/2010	Tiếng Anh	1.1	1.1		
609	390174	Kim Phú	19/05/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
610	390176	Lý Thiên Phú	20/10/2010	Tiếng Anh	1	1		
611	390194	Dương Đà Rô	27/02/2010	Ngữ văn	1.25	1.25		
612	390225	Nguyễn Minh Thuận	05/11/2010	Tiếng Anh	1.2	1.2		
613	390252	Trần Thị Mộng Trúc	08/05/2010	Tiếng Anh	1.4	1.4		
614	390263	Thạch Thị Vàng	28/12/2009	Toán	0.5	0.5		

Sóc Trăng, ngày 17 tháng 6 năm 2025

Thư ký

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phùng Quách Vĩnh



Hứa Phước An

DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GD&ĐT



GIÁM ĐỐC
Châu Tuấn Hồng

